

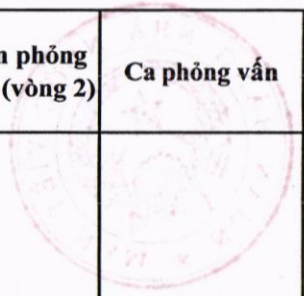
NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM
HỘI ĐỒNG THI TUYỂN CÔNG CHỨC LOẠI C
NHNN NĂM 2021

KẾT QUẢ ĐIỂM THI VÒNG 1 VÀ LỊCH PHÒNG VẤN VÒNG 2
KỶ THI TUYỂN CÔNG CHỨC LOẠI C VÀO LÀM VIỆC TẠI CÁC ĐƠN VỊ THUỘC NHNN TRUNG ƯƠNG
VÀ NHNN CHI NHÁNH TP. HÀ NỘI NĂM 2021

Ghi chú:

Số câu hỏi phần thi Kiến thức chung là 60 câu; Số câu hỏi phần thi Tiếng Anh là 30 câu. Kết quả thi Vòng 1 được xác định theo số câu trả lời đúng cho từng phần thi nói trên, thí sinh nếu trả lời đúng từ 50% số câu hỏi trở lên cho từng phần thi tại Vòng 1 được thi tiếp Vòng 2. Theo đó, thí sinh có số câu trả lời đúng từ 30 câu trở lên đối với phần thi Kiến thức chung và từ 15 câu trở lên đối với phần thi Tiếng Anh sẽ tiếp tục dự thi Vòng 2 - Phòng vấn

TT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm		Vị trí dự tuyển	Số câu trả lời đúng		Kết quả	Bàn phỏng vấn (vòng 2)	Ca phỏng vấn	Ngày thi vòng 2
			Nam	Nữ		Kiến thức chung	Tiếng Anh				
1	NV001	Bùi Đỗ Lan Anh		12-8-1997	CVNV	31/60	15/30	Đạt	Bàn 1	Buổi sáng Ca 1: 7h00-9h30	Thứ Bảy, ngày 18/12/2021
2	NV009	Hoàng Thị Mai Anh		10-06-1997	CVNV	35/60	23/30	Đạt			
3	NV010	Lê Hồ Ngọc Anh		11-10-1997	CVNV	42/60	29/30	Đạt			
4	NV011	Lê Nhật Anh	15-10-1994		CVNV	35/60	22/30	Đạt			
5	NV012	Lương Ngọc Vân Anh		9-12-1990	CVNV	38/60	28/30	Đạt			
6	NV014	Ngô Thị Tú Anh		10-2-1998	CVNV	31/60	25/30	Đạt			
7	NV016	Nguyễn Đăng Anh	22-12-1998		CVNV	34/60	21/30	Đạt			
8	NV026	Nguyễn Thị Quỳnh Anh		25-8-1995	CVNV	37/60	27/30	Đạt			
9	NV027	Phạm Hồng Anh		15-3-1997	CVNV	41/60	Miễn	Đạt			
10	NV028	Phạm Thị Vân Anh		4-10-1998	CVNV	36/60	20/30	Đạt			
11	NV029	Phạm Việt Phương Anh		14-9-1999	CVNV	45/60	26/30	Đạt			
12	NV030	Tạ Phương Anh		11-08-1984	CVNV	40/60	16/30	Đạt			

TT	SBD	Họ và tên		Ngày tháng năm		Vị trí dự tuyển	Số câu trả lời đúng		Kết quả	Bàn phỏng vấn (vòng 2)	Ca phỏng vấn	Ngày thi vòng 2
				Nam	Nữ		Kiến thức chung	Tiếng Anh				
13	NV031	Tường Thị Vân	Anh		1-4-1991	CVNV	44/60	27/30	Đạt	Bàn 1	 Buổi sáng Ca 2: 9h00-11h30	Thứ Bảy, ngày 18/12/2021
14	NV035	Trịnh Minh	Anh		2-10-1996	CVNV	35/60	Miễn	Đạt			
15	NV038	Vũ Tuấn	Anh	29-9-1990		CVNV	33/60	Miễn	Đạt			
16	NV043	Đinh Thạch	Bích		14-5-1999	CVNV	46/60	27/30	Đạt			
17	NV045	La Văn	Công	25-6-1994		CVNV	38/60	21/30	Đạt			
18	NV051	Nguyễn Cao	Cường	2-9-1996		CVNV	50/60	27/30	Đạt			
19	NV052	Nguyễn Vũ	Cường	18-03-1991		CVNV	43/60	23/30	Đạt			
20	NV053	Tạ Kiên	Cường	7-9-1995		CVNV	43/60	Miễn	Đạt			
21	NV056	Phạm Minh	Châu		26-02-1998	CVNV	30/60	19/30	Đạt			
22	NV062	Trần Thị Minh	Diệu		3-11-1996	CVNV	44/60	18/30	Đạt			
23	NV063	Nguyễn Bảo	Dung		8-6-1994	CVNV	41/60	21/30	Đạt			
24	NV064	Phạm Phương	Dung		24-5-1991	CVNV	35/60	18/30	Đạt	Bàn 2	Buổi sáng Ca 1: 7h00-9h30	Thứ Bảy, ngày 18/12/2021
25	NV065	Nguyễn Trần Quốc	Dũng	21-11-1990		CVNV	47/60	28/30	Đạt			
26	NV068	Đỗ Khánh	Duy	5-10-1998		CVNV	39/60	29/30	Đạt			
27	NV074	Trần Thị Ánh	Dương		11-11-1992	CVNV	41/60	18/30	Đạt			
28	NV075	Trần Thùy	Dương		20-7-1998	CVNV	41/60	30/30	Đạt			
29	NV077	Nguyễn Duy	Đông	14-10-1999		CVNV	47/60	23/30	Đạt			
30	NV084	Phạm Thị	Giang		7-7-1998	CVNV	43/60	25/30	Đạt			
31	NV087	Trần Văn	Giàu	3-2-1994		CVNV	37/60	19/30	Đạt			
32	NV093	Nguyễn Thị Thu	Hà		10-2-1993	CVNV	32/60	22/30	Đạt			
33	NV094	Nguyễn Thu	Hà		13-3-1998	CVNV	35/60	24/30	Đạt			
34	NV095	Tạ Thu	Hà		7-5-1998	CVNV	42/60	Miễn	Đạt			
35	NV096	Trần Thu	Hà		28-12-1993	CVNV	34/60	15/30	Đạt			



TT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm		Vị trí dự tuyển	Số câu trả lời đúng		Kết quả	Bàn phỏng vấn (vòng 2)	Ca phỏng vấn	Ngày thi vòng 2
			Nam	Nữ		Kiến thức chung	Tiếng Anh				
36	NV097	Vũ Thị Hà		15-11-1998	CVNV	47/60	26/30	Đạt	Bàn 2	Buổi sáng Ca 2: 9h00-11h30	Thứ Bảy, ngày 18/12/2021
37	NV099	Nguyễn Thị Ngọc Hải		02-07-1996	CVNV	38/60	19/30	Đạt			
38	NV100	Vũ Huy Hải	29-10-1994		CVNV	34/60	23/30	Đạt			
39	NV101	Đỗ Minh Hạnh		8-12-1998	CVNV	54/60	Miễn	Đạt			
40	NV104	Nguyễn Lê Lam Hạnh		20-12-1991	CVNV	44/60	25/30	Đạt			
41	NV105	Nguyễn Quốc Hạnh		5-5-1990	CVNV	39/60	Miễn	Đạt			
42	NV107	Vũ Thảo Hạnh		9-11-1995	CVNV	43/60	29/30	Đạt			
43	NV108	Đặng Anh Hào	16-10-1995		CVNV	43/60	22/30	Đạt			
44	NV110	Chữ Thu Hằng		8-3-1996	CVNV	50/60	Miễn	Đạt			
45	NV114	Nguyễn Thị Thúy Hằng		8-11-1996	CVNV	37/60	20/30	Đạt			
46	NV115	Nguyễn Thúy Hằng		16-12-1991	CVNV	41/60	15/30	Đạt	Bàn 1	Buổi chiều Ca 1: 13h00 - 15h30	Thứ Bảy, ngày 18/12/2021
47	NV117	Phùng Thị Hằng		4-4-1994	CVNV	44/60	Miễn	Đạt			
48	NV118	Trần Thu Hằng		12-08-1986	CVNV	43/60	17/30	Đạt			
49	NV123	Đoàn Cẩm Hậu		28-2-1997	CVNV	30/60	Miễn	Đạt			
50	NV127	Quách Thúy Hiền		27-06-1998	CVNV	39/60	20/30	Đạt			
51	NV128	Tôn Thanh Hiền		5-9-1991	CVNV	37/60	25/30	Đạt			
52	NV130	Vũ Minh Hiền		07-09-1997	CVNV	39/60	25/30	Đạt			
53	NV133	Nguyễn Đức Hiếu	10-12-1999		CVNV	43/60	28/30	Đạt			
54	NV136	Phạm Hữu Hiệu	25-12-1995		CVNV	37/60	18/30	Đạt			
55	NV138	Phạm Quỳnh Hoa		22-5-1998	CVNV	50/60	Miễn	Đạt			
56	NV141	Trần Thị Khánh Hòa		18-09-1998	CVNV	44/60	15/30	Đạt			
57	NV144	Đinh Thị Hồng		14-3-1991	CVNV	38/60	18/30	Đạt			
58	NV146	Nguyễn Hữu Hùng	23-09-1997		CVNV	36/60	29/30	Đạt			

TT	SBD	Họ và tên		Ngày tháng năm		Vị trí dự tuyển	Số câu trả lời đúng		Kết quả	Bàn phỏng vấn (vòng 2)	Ca phỏng vấn	Ngày thi vòng 2
				Nam	Nữ		Kiến thức chung	Tiếng Anh				
59	NV149	Lê Quang	Huy	02-02-1998		CVNV	44/60	26/30	Đạt	Bàn 1	Buổi chiều Ca 2: 15h00 - 17h30	Thứ Bảy, ngày 18/12/2021
60	NV150	Tô Quang	Huy	22-10-1998		CVNV	41/60	29/30	Đạt			
61	NV152	Trần Quang	Huy	29-10-1998		CVNV	30/60	26/30	Đạt			
62	NV153	Đỗ Thị Thu	Huyền		20-03-1989	CVNV	35/60	Miễn	Đạt			
63	NV156	Lê Thị Khánh	Huyền		10-9-1997	CVNV	51/60	25/30	Đạt			
64	NV160	Nguyễn Thị Khánh	Huyền		19-11-1998	CVNV	36/60	27/30	Đạt			
65	NV162	Tạ Thị Thu	Huyền		10-10-1998	CVNV	35/60	24/30	Đạt			
66	NV163	Trịnh Ngọc	Huyền		10-12-1992	CVNV	33/60	16/30	Đạt			
67	NV164	Vũ Thị Thanh	Huyền		27-01-1993	CVNV	30/60	19/30	Đạt			
68	NV166	Lò Mạnh	Hung	25-3-1995		CVNV	48/60	Miễn	Đạt			
69	NV172	Nguyễn Ngọc Thiên	Hương		13-12-1997	CVNV	42/60	30/30	Đạt	Bàn 2	Buổi chiều Ca 1: 13h00 - 15h30	Thứ Bảy, ngày 18/12/2021
70	NV175	Trần Thị Út	Hương		13-01-1991	CVNV	35/60	23/30	Đạt			
71	NV176	Vương Thu	Hương		25-01-1989	CVNV	42/60	Miễn	Đạt			
72	NV179	Nguyễn Nhân	Hương	23-11-1994		CVNV	45/60	29/30	Đạt			
73	NV181	Vũ Duy	Kỳ	16-11-1998		CVNV	37/60	Miễn	Đạt			
74	NV182	Hoàng Ngọc	Khải	31-8-1978		CVNV	39/60	22/30	Đạt			
75	NV184	Phạm Phú	Khánh	30-11-1993		CVNV	37/60	22/30	Đạt			
76	NV188	Hoàng Thị Thanh	Lam		9-1-1995	CVNV	41/60	25/30	Đạt			
77	NV189	Trần Thanh	Lam		11-5-1997	CVNV	43/60	18/30	Đạt			
78	NV190	Nguyễn Thị Phương	Lan		3-12-1997	CVNV	35/60	21/30	Đạt			
79	NV191	Lý Văn	Lanh	5-10-1984		CVNV	41/60	21/30	Đạt			
80	NV192	Nguyễn Thị Hồng	Lanh		02-09-1994	CVNV	44/60	Miễn	Đạt			
81	NV193	Nguyễn Phúc	Lâm	2/11/1994		CVNV	42/60	25/30	Đạt			

cph

TT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm		Vị trí dự tuyển	Số câu trả lời đúng		Kết quả	Bàn phỏng vấn (vòng 2)	Ca phỏng vấn	Ngày thi vòng 2
			Nam	Nữ		Kiến thức chung	Tiếng Anh				
82	NV195	Trịnh Thị Lệ		21-10-1993	CVNV	40/60	19/30	Đạt	Bàn 2	Buổi chiều Ca 2: 15h00 - 17h30	Thứ Bảy, ngày 18/12/2021
83	NV196	Đặng Thị Liên		29-9-1992	CVNV	43/60	26/30	Đạt			
84	NV205	Đỗ Thị Diệu Linh		18-12-1990	CVNV	35/60	19/30	Đạt			
85	NV209	Lê Phương Linh		22-08-1992	CVNV	39/60	Miễn	Đạt			
86	NV211	Mai Phương Linh		13-08-1999	CVNV	43/60	24/30	Đạt			
87	NV216	Nguyễn Ngọc Thùy Linh		2-12-1994	CVNV	37/60	Miễn	Đạt			
88	NV218	Nguyễn Phương Linh		14-10-1992	CVNV	36/60	22/30	Đạt			
89	NV220	Nguyễn Thị Diệu Linh		24-3-1995	CVNV	34/60	Miễn	Đạt			
90	NV222	Nguyễn Thị Thùy Linh		15-07-1995	CVNV	47/60	Miễn	Đạt			
91	NV227	Nguyễn Thùy Linh		13-11-1995	CVNV	41/60	25/30	Đạt			
92	NV229	Phạm Phương Linh		5-2-1998	CVNV	35/60	26/30	Đạt	Bàn 1	Buổi sáng Ca 1: 7h00-9h30	Chủ Nhật, ngày 19/12/2021
93	NV231	Trần Phương Linh		10-11-1998	CVNV	47/60	27/30	Đạt			
94	NV233	Võ Diệu Linh		2-1-1995	CVNV	47/60	Miễn	Đạt			
95	NV234	Vũ Hoàng Linh	29-03-1996		CVNV	44/60	Miễn	Đạt			
96	NV235	Vũ Hoàng Diệp Linh		26-01-1999	CVNV	44/60	24/30	Đạt			
97	NV237	Lê Thị Loan		24-12-1991	CVNV	50/60	26/30	Đạt			
98	NV244	Trần Đức Long	15-11-1995		CVNV	49/60	24/30	Đạt			
99	NV250	Đặng Thị Mai		12-06-1993	CVNV	34/60	16/30	Đạt			
100	NV251	Đinh Thị Tuyết Mai		17-11-1997	CVNV	39/60	15/30	Đạt			
101	NV253	Nguyễn Ngọc Mai		10-09-1997	CVNV	31/60	28/30	Đạt			
102	NV256	Trương Ngọc Mai		01-09-1999	CVNV	45/60	29/30	Đạt			

gpc

TT	SBD	Họ và tên		Ngày tháng năm		Vị trí dự tuyển	Số câu trả lời đúng		Kết quả	Bàn phỏng vấn (vòng 2)	Ca phỏng vấn	Ngày thi vòng 2
				Nam	Nữ		Kiến thức chung	Tiếng Anh				
103	NV258	Nguyễn Thị Trà	Mây		13-8-1993	CVNV	48/60	21/30	Đạt	Bàn 1	Buổi sáng Ca 2: 9h00-11h30	Chủ Nhật, ngày 19/12/2021
104	NV260	Trần Thị	Miễn		10-02-1998	CVNV	34/60	18/30	Đạt			
105	NV262	Nguyễn Nguyệt	Minh		3-1-1997	CVNV	42/60	26/30	Đạt			
106	NV263	Nguyễn Nhật	Minh	02-01-1997		CVNV	51/60	26/30	Đạt			
107	NV267	Hà Thị Trà	My		27-7-1994	CVNV	31/60	21/30	Đạt			
108	NV269	Nguyễn Hà	My		18-09-1997	CVNV	31/60	22/30	Đạt			
109	NV271	Phạm Văn Kiềm	Nam	19-6-1998		CVNV	37/60	20/30	Đạt			
110	NV273	Hoàng Thị	Nga		03-04-1992	CVNV	30/60	16/30	Đạt			
111	NV274	Phạm Thu	Nga		23-4-1988	CVNV	41/60	25/30	Đạt			
112	NV283	Đào Văn	Ngọc		07-10-1998	CVNV	37/60	25/30	Đạt			
113	NV284	Đoàn Thị Ánh	Ngọc		19-09-1984	CVNV	37/60	21/30	Đạt	Bàn 2	Buổi sáng Ca 1: 7h00-9h30	Chủ Nhật, ngày 19/12/2021
114	NV286	Hoàng Anh	Ngọc		11-07-1992	CVNV	43/60	23/30	Đạt			
115	NV297	Nguyễn Thị	Nhuận		19-7-1990	CVNV	42/60	23/30	Đạt			
116	NV298	Chu Thùy	Nhung		4-6-1998	CVNV	47/60	27/30	Đạt			
117	NV299	Đặng Hồng	Nhung		22-03-1993	CVNV	47/60	28/30	Đạt			
118	NV300	Lê Hồng	Nhung		14-09-1991	CVNV	37/60	Miễn	Đạt			
119	NV302	Ngô Trang	Nhung		29-10-1989	CVNV	40/60	19/30	Đạt			
120	NV305	Nguyễn Thị Cẩm	Nhung		001-12-1996	CVNV	31/60	27/30	Đạt			
121	NV307	Nguyễn Thị	Oanh		9-2-1996	CVNV	41/60	25/30	Đạt			
122	NV318	Phan Thị Linh	Phương		20-11-1993	CVNV	41/60	22/30	Đạt			

TT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm		Vị trí dự tuyển	Số câu trả lời đúng		Kết quả	Bàn phỏng vấn (vòng 2)	Ca phỏng vấn	Ngày thi vòng 2
			Nam	Nữ		Kiến thức chung	Tiếng Anh				
123	NV325	Đỗ Minh Quân	31-10-1986		CVNV	44/60	22/30	Đạt	Bàn 2	Buổi sáng Ca 2: 9h00-11h30	Chủ Nhật, ngày 19/12/2021
124	NV329	Nguyễn Lê Tú Quyên		10-03-1998	CVNV	42/60	19/30	Đạt			
125	NV330	Nguyễn Thị Thu Quyên		02-12-1995	CVNV	30/60	22/30	Đạt			
126	NV332	Đỗ Thị Như Quỳnh		20-10-1988	CVNV	44/60	25/30	Đạt			
127	NV333	Lê Thu Quỳnh		05-03-1992	CVNV	34/60	17/30	Đạt			
128	NV337	Nguyễn Quang Sáng	12-01-1994		CVNV	38/60	18/30	Đạt			
129	NV338	Đào Xuân Sơn	16-10-1989		CVNV	44/60	Miễn	Đạt			
130	NV339	Lê Ngọc Trường Sơn	18-07-1995		CVNV	45/60	27/30	Đạt			
131	NV343	Lê Minh Tâm	27-6-1994		CVNV	46/60	Miễn	Đạt			
132	NV350	Hà Thị Anh Tú		24-04-1997	CVNV	39/60	16/30	Đạt			
133	NV355	Quách Tô Thiên Tú		26-9-1998	CVNV	32/60	25/30	Đạt	Bàn 1	Buổi chiều Ca 1: 13h00 - 15h30	Chủ Nhật, ngày 19/12/2021
134	NV360	Đào Thanh Tùng	1-4-1994		CVNV	39/60	Miễn	Đạt			
135	NV362	Nguyễn Hữu Tùng	08-08-1994		CVNV	44/60	20/30	Đạt			
136	NV363	Nguyễn Lâm Tùng	29-6-1994		CVNV	46/60	25/30	Đạt			
137	NV368	Trịnh Đức Thái	12-08-1990		CVNV	48/60	25/30	Đạt			
138	NV370	Nguyễn Thị Ngọc Thanh		20-2-1998	CVNV	35/60	24/30	Đạt			
139	NV371	Tạ Duy Thành	2-10-1991		CVNV	38/60	Miễn	Đạt			
140	NV372	Dương Phương Thảo		20-9-1998	CVNV	40/60	25/30	Đạt			
141	NV373	Đặng Thị Thảo		10-09-1987	CVNV	39/60	Miễn	Đạt			
142	NV378	Nguyễn Thị Phương Thảo		11-02-1985	CVNV	34/60	18/30	Đạt			

TT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm		Vị trí dự tuyển	Số câu trả lời đúng		Kết quả	Bàn phỏng vấn (vòng 2)	Ca phỏng vấn	Ngày thi vòng 2
			Nam	Nữ		Kiến thức chung	Tiếng Anh				
143	NV381	Phạm Thị Phương Thảo		22-12-1995	CVNV	49/60	25/30	Đạt	Bàn 1	Buổi chiều Ca 2: 15h00 - 17h30	Chủ Nhật, ngày 19/12/2021
144	NV384	Lương Mạnh Thắng	22-4-1995		CVNV	40/60	22/30	Đạt			
145	NV387	Phạm Việt Thắng	05-02-1995		CVNV	45/60	24/30	Đạt			
146	NV388	Tổng Đình Thắng	11-12-1997		CVNV	44/60	23/30	Đạt			
147	NV389	Vũ Tuấn Thiên	07-12-1997		CVNV	36/60	22/30	Đạt			
148	NV393	Tô Hồ Thu		17-11-1996	CVNV	42/60	Miễn	Đạt			
149	NV397	Nguyễn Thị Hà Thùy		11-02-1998	CVNV	41/60	30/30	Đạt			
150	NV399	Lê Thị Thu Thủy		10-9-1999	CVNV	40/60	25/30	Đạt			
151	NV404	Nguyễn Thu Thủy		11-9-1998	CVNV	34/60	Miễn	Đạt			
152	NV405	Trần Bích Thủy		08-09-1995	CVNV	34/60	20/30	Đạt			
153	NV407	Đào Thị Thúy		04-10-1991	CVNV	50/60	Miễn	Đạt	Bàn 2	Buổi chiều Ca 1: 13h00 - 15h30	Chủ Nhật, ngày 19/12/2021
154	NV408	Nguyễn Ngọc Lệ Thúy		30-11-1981	CVNV	48/60	Miễn	Đạt			
155	NV409	Nguyễn Thị Thúy		12-11-1987	CVNV	41/60	15/30	Đạt			
156	NV417	Bùi Huyền Trang		18-12-1995	CVNV	38/60	24/30	Đạt			
157	NV420	Đoàn Thảo Ngọc Trang		10-04-1994	CVNV	31/60	15/30	Đạt			
158	NV423	Ngô Thu Trang		7-9-1993	CVNV	37/60	23/30	Đạt			
159	NV425	Nguyễn Thị Mai Trang		27-9-1997	CVNV	40/60	28/30	Đạt			
160	NV426	Nguyễn Thị Ngọc Trang		02-03-1990	CVNV	35/60	25/30	Đạt			
161	NV428	Nguyễn Thị Thu Trang		27-12-1988	CVNV	47/60	Miễn	Đạt			
162	NV431	Phạm Minh Trang		15-7-1988	CVNV	36/60	21/30	Đạt			

TT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm		Vị trí dự tuyển	Số câu trả lời đúng		Kết quả	Bàn phỏng vấn (vòng 2)	Ca phỏng vấn	Ngày thi vòng 2
			Nam	Nữ		Kiến thức chung	Tiếng Anh				
163	NV437	Nguyễn Ngọc Trâm		13-06-1994	CVNV	40/60	Miễn	Đạt	Bàn 2	Buổi chiều Ca 2: 15h00 - 17h30	Chủ Nhật, ngày 19/12/2021
164	NV439	Trần Ngọc Phương Trinh		27-12-1997	CVNV	43/60	Miễn	Đạt			
165	NV440	Phan Đình Trung	25-9-1992		CVNV	33/60	20/30	Đạt			
166	NV443	Trần Xuân Trường	02-12-1998		CVNV	51/60	23/30	Đạt			
167	NV445	Lê Võ Châu Uyên		8-4-1997	CVNV	37/60	21/30	Đạt			
168	NV447	Ngô Hồng Vân		16-1-1997	CVNV	43/60	25/30	Đạt			
169	NV450	Trần Khánh Vinh		05-04-1998	CVNV	54/60	27/30	Đạt			
170	NV454	Bùi Thị Xuân		27-06-1990	CVNV	38/60	18/30	Đạt			
171	NV457	Nguyễn Thị Hải Yến		30-08-1992	CVNV	37/60	Miễn	Đạt			
172	NV458	Nguyễn Thị Hoàng Yến		16-11-1992	CVNV	50/60	18/30	Đạt			
173	NV023	Nguyễn Thị Mai Anh		12-02-1998	CVNV	36/60	14/30	Không đạt			
174	NV057	Nguyễn Kiều Chi		28-08-1996	CVNV	27/60	19/30	Không đạt			
175	NV079	Nguyễn Đình Đức	04-03-1997		CVNV	30/60	11/30	Không đạt			
176	NV085	Phan Thị Giang		31-10-1992	CVNV	41/60	10/30	Không đạt			
177	NV089	Hoàng Thanh Hà	5-4-1994		CVNV	30/60	6/30	Không đạt			
178	NV113	Nguyễn Thị Minh Hằng		30-11-1996	CVNV	29/60	21/30	Không đạt			
179	NV119	Trịnh Thị Thu Hằng		17-10-1982	CVNV	28/60	10/30	Không đạt			
180	NV140	Phạm Xuân Hòa	20-12-1992		CVNV	40/60	13/30	Không đạt			
181	NV143	Nguyễn Huy Hoàng	16-08-1992		CVNV	33/60	8/30	Không đạt			
182	NV161	Nguyễn Thị Thanh Huyền		25-12-1995	CVNV	32/60	12/30	Không đạt			
183	NV180	Nguyễn Thị Kiều		3-9-1996	CVNV	32/60	6/30	Không đạt			

TT	SBD	Họ và tên		Ngày tháng năm		Vị trí dự tuyển	Số câu trả lời đúng		Kết quả	Bàn phỏng vấn (vòng 2)	Ca phỏng vấn	Ngày thi vòng 2
				Nam	Nữ		Kiến thức chung	Tiếng Anh				
184	NV219	Nguyễn Tuấn	Linh	23-06-1995		CVNV	37/60	10/30	Không đạt			
185	NV208	Hồ Phương	Linh		27-08-1999	CVNV	27/60		Không đạt			
186	NV228	Phạm Khánh	Linh		08-12-1995	CVNV	27/60	24/30	Không đạt			
187	NV239	Nguyễn Bích	Loan		22-10-1998	CVNV	37/60	12/30	Không đạt			
188	NV342	Nguyễn Ngọc	Son	16-3-1998		CVNV	31/60	12/30	Không đạt			
189	NV344	Trần Thị	Tâm		10-03-1993	CVNV	35/60	11/30	Không đạt			
190	NV348	Ngô Văn	Toàn	22-06-1991		CVNV	25/60		Không đạt			
191	NV252	Lê Thị	Mai		14-04-1991	CVNV	29/60	11/30	Không đạt			
192	NV272	Đặng Thị	Nga		10-2-1997	CVNV	32/60	14/30	Không đạt			
193	NV359	Đào Duy	Tùng	22-07-1991		CVNV	25/60		Không đạt			
194	NV374	Lê Phương	Thảo		18-11-1996	CVNV	30/60	14/30	Không đạt			
195	NV377	Lê Thu	Thảo		31-12-1999	CVNV	25/60	24/30	Không đạt			
196	NV390	Nguyễn Phúc	Thọ	20-06-1994		CVNV	24/60	11/30	Không đạt			
197	NV394	Phạm Ninh	Thuận		19-9-1992	CVNV	37/60	14/30	Không đạt			
198	NV411	Vũ Minh	Thúy		7-11-1993	CVNV	30/60	14/30	Không đạt			
199	NV427	Nguyễn Thị Thu	Trang		08-08-1995	CVNV	38/60	14/30	Không đạt			
200	NV002	Đặng Huyền	Anh		07-11-1998	CVNV	Vắng	Vắng				
201	NV003	Đặng Thị Hồng	Anh		21-09-1994	CVNV	Vắng	Vắng				
202	NV004	Đinh Thị Lan	Anh		23-09-1997	CVNV	Vắng	Vắng				
203	NV005	Đinh Thị Quỳnh	Anh		12-7-1996	CVNV	Vắng	Vắng				
204	NV006	Hà Thị Ngọc	Anh		6-11-1997	CVNV	Vắng	Vắng				
205	NV007	Hoàng Mai	Anh		20-11-1998	CVNV	Vắng	Vắng				

TT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm		Vị trí dự tuyển	Số câu trả lời đúng		Kết quả	Bàn phỏng vấn (vòng 2)	Ca phỏng vấn	Ngày thi vòng 2
			Nam	Nữ		Kiến thức chung	Tiếng Anh				
206	NV008	Hoàng Thị Lan Anh		1-8-1998	CVNV	Vắng	Vắng				
207	NV013	Nghiêm Thị Kim Anh		20-7-1995	CVNV	Vắng	Vắng				
208	NV015	Ngô Việt Anh	26-11-1999		CVNV	Vắng	Vắng				
209	NV017	Nguyễn Hoài Anh		02-11-1997	CVNV	Vắng	Vắng				
210	NV018	Nguyễn Mai Anh		07-06-1993	CVNV	Vắng	Vắng				
211	NV019	Nguyễn Nam Anh	08-8-1997		CVNV	Vắng	Vắng				
212	NV020	Nguyễn Phương Anh		31-08-1998	CVNV	Vắng	Vắng				
213	NV021	Nguyễn Thị Kim Anh		30-05-1988	CVNV	Vắng	Vắng				
214	NV022	Nguyễn Thị Mai Anh		10-09-1991	CVNV	Vắng	Vắng				
215	NV024	Nguyễn Thị Ngọc Anh		20-08-1994	CVNV	Vắng	Vắng				
216	NV025	Nguyễn Thị Phương Anh		26-06-1993	CVNV	Vắng	Vắng				
217	NV032	Trần Hồng Anh		21-7-1992	CVNV	Vắng	Vắng				
218	NV033	Trần Mai Anh		15-03-1997	CVNV	Vắng	Vắng				
219	NV034	Trần Ngọc Anh		23-03-1992	CVNV	Vắng	Vắng				
220	NV036	Vũ Duy Anh	9-9-1994		CVNV	Vắng	Vắng				
221	NV037	Vũ Nguyễn Tuấn Anh	06-06-1990		CVNV	Vắng	Vắng				
222	NV039	Vũ Thị Phương Anh		30-10-1995	CVNV	Vắng	Vắng				
223	NV040	Võ Ngọc Bằng	8-10-1990		CVNV	Vắng	Vắng				
224	NV041	Nguyễn Ngọc Thái Bảo		24-08-1998	CVNV	Vắng	Vắng				
225	NV042	Chu Văn Bắc	12-6-1994		CVNV	Vắng	Vắng				
226	NV044	Phạm Văn Biền	2-12-1987		CVNV	Vắng	Vắng				
227	NV046	Lê Đức Công	08-01-1998		CVNV	Vắng	Vắng				
228	NV047	Nguyễn Thế Công	5-10-1998		CVNV	Vắng	Vắng				

TT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm		Vị trí dự tuyển	Số câu trả lời đúng		Kết quả	Bàn phỏng vấn (vòng 2)	Ca phỏng vấn	Ngày thi vòng 2
			Nam	Nữ		Kiến thức chung	Tiếng Anh				
229	NV048	Vũ Thị Kim Cúc		18-11-1996	CVNV	Vắng	Vắng				
230	NV049	Nguyễn Thị Kim Cương		01-05-1991	CVNV	Vắng	Vắng				
231	NV050	Đào Duy Đức Cường	11-10-1997		CVNV	Vắng	Vắng				
232	NV054	Hoàng Thị Minh Châm		05-07-1996	CVNV	Vắng	Vắng				
233	NV055	Trịnh Quỳnh Châm		5-12-1999	CVNV	Vắng	Vắng				
234	NV058	Nguyễn Linh Chi		18-1-1998	CVNV	Vắng	Vắng				
235	NV059	Nguyễn Thị Khánh Chi		20-11-1999	CVNV	Vắng	Vắng				
236	NV060	Trương Thị Yến Chi		8-12-1996	CVNV	Vắng	Vắng				
237	NV061	Phạm Văn Diện	9-8-1994		CVNV	Vắng	Vắng				
238	NV066	Nguyễn Việt Dũng	29-8-1997		CVNV	Vắng	Vắng				
239	NV067	Đào Nhật Duy	7-12-1996		CVNV	Vắng	Vắng				
240	NV069	Đỗ Tiến Duy	23-12-1990		CVNV	Vắng	Vắng				
241	NV070	Nguyễn Thị Duyên		5-9-1991	CVNV	Vắng	Vắng				
242	NV071	Lê Đình Dương	21-7-1995		CVNV	Vắng	Vắng				
243	NV072	Nguyễn Bình Dương	22-01-1992		CVNV	Vắng	Vắng				
244	NV073	Nguyễn Thành Dương	3-1-1998		CVNV	Vắng	Vắng				
245	NV076	Vũ Thùy Dương		13-01-1997	CVNV	Vắng	Vắng				
246	NV078	Trương Hoàng Đông	03-08-1994		CVNV	Vắng	Vắng				
247	NV080	Phạm Anh Đức	14-12-1998		CVNV	Vắng	Vắng				
248	NV081	Phạm Minh Đức	06-12-1995		CVNV	Vắng	Vắng				
249	NV082	Dương Thị Hương Giang		01-03-1995	CVNV	Vắng	Vắng				
250	NV083	Nguyễn Hằng Giang		22-11-1999	CVNV	Vắng	Vắng				
251	NV086	Trần Hương Giang		28-3-1999	CVNV	Vắng	Vắng				

TT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm		Vị trí dự tuyển	Số câu trả lời đúng		Kết quả	Bàn phỏng vấn (vòng 2)	Ca phỏng vấn	Ngày thi vòng 2
			Nam	Nữ		Kiến thức chung	Tiếng Anh				
252	NV088	Cao Hoàng Ngọc Hà		13-2-1994	CVNV	Vắng	Vắng				
253	NV090	Lưu Diệu Hà		19-10-1997	CVNV	Vắng	Vắng				
254	NV091	Nguyễn Quang Hà	01-02-1995		CVNV	Vắng	Vắng				
255	NV092	Nguyễn Thị Thu Hà		02-02-1998	CVNV	Vắng	Vắng				
256	NV098	Lê Thanh Hải	23-01-1991		CVNV	Vắng	Vắng				
257	NV102	Hoàng Hồng Hạnh		22-3-1995	CVNV	Vắng	Vắng				
258	NV103	Ngô Hồng Hạnh		04-06-1994	CVNV	Vắng	Vắng				
259	NV106	Trần Minh Hạnh		30-09-1996	CVNV	Vắng	Vắng				
260	NV109	Vũ Thị Hồng Hào		21-09-1991	CVNV	Vắng	Vắng				
261	NV111	Đào Thị Việt Hằng		4-6-1999	CVNV	Vắng	Vắng				
262	NV112	Nguyễn Thanh Hằng		18-7-1998	CVNV	Vắng	Vắng				
263	NV116	Nguyễn Thúy Hằng		30-10-1988	CVNV	Vắng	Vắng				
264	NV120	Vũ Minh Hằng		05-10-1998	CVNV	Vắng	Vắng				
265	NV121	Vũ Minh Hằng		14-04-1998	CVNV	Vắng	Vắng				
266	NV122	Dương Hoàng Thái Hậu		13-10-1989	CVNV	Vắng	Vắng				
267	NV124	Dương Thị Thu Hiền		3-12-1998	CVNV	Vắng	Vắng				
268	NV125	Nguyễn Thị Thanh Hiền		22-3-1996	CVNV	Vắng	Vắng				
269	NV126	Phùng Thị Minh Hiền		14-08-1992	CVNV	Vắng	Vắng				
270	NV129	Trần Thảo Hiền		14-5-1999	CVNV	Vắng	Vắng				
271	NV131	Cao Ngọc Hiệp	21-8-1990		CVNV	Vắng	Vắng				
272	NV132	Chế Minh Hiếu	24-12-1997		CVNV	Vắng	Vắng				
273	NV134	Phạm Minh Hiếu	17-4-1998		CVNV	Vắng	Vắng				
274	NV135	Trịnh Thị Mai Hiếu		16-12-1998	CVNV	Vắng	Vắng				

TT	SBD	Họ và tên		Ngày tháng năm		Vị trí dự tuyển	Số câu trả lời đúng		Kết quả	Bàn phỏng vấn (vòng 2)	Ca phỏng vấn	Ngày thi vòng 2
				Nam	Nữ		Kiến thức chung	Tiếng Anh				
275	NV137	Nguyễn Thu	Hoa		6-9-1994	CVNV	Vắng	Vắng				
276	NV139	Ngô Thị Việt	Hòa		19-09-1993	CVNV	Vắng	Vắng				
277	NV142	Đoàn Việt	Hoàn	25-1-1996		CVNV	Vắng	Vắng				
278	NV145	Mai Thị Thu	Hồng		24-11-1998	CVNV	Vắng	Vắng				
279	NV147	Nguyễn Văn	Hùng	05-01-1990		CVNV	Vắng	Vắng				
280	NV148	Đỗ Quang	Huy	30-1-1996		CVNV	Vắng	Vắng				
281	NV151	Nguyễn Xuân	Huy	30-6-1985		CVNV	Vắng	Vắng				
282	NV154	Đỗ Thu	Huyền		25-11-1996	CVNV	Vắng	Vắng				
283	NV155	Hồ Thị Khánh	Huyền		08-04-1998	CVNV	Vắng	Vắng				
284	NV157	Mai Khánh	Huyền		20-11-1994	CVNV	Vắng	Vắng				
285	NV158	Nguyễn Khánh	Huyền		20-3-1998	CVNV	Vắng	Vắng				
286	NV159	Nguyễn Mỹ	Huyền		13-10-1996	CVNV	Vắng	Vắng				
287	NV165	Lê Hải	Hưng	24-02-1987		CVNV	Vắng	Vắng				
288	NV167	Trần Quốc	Hưng	17-09-1998		CVNV	Vắng	Vắng				
289	NV168	Vũ Hải	Hưng	25-9-1994		CVNV	Vắng	Vắng				
290	NV169	Bùi Thị	Hương		17-09-1995	CVNV	Vắng	Vắng				
291	NV170	Hoàng Thùy	Hương		13-11-1991	CVNV	Vắng	Vắng				
292	NV171	Lương Thị Thu	Hương		29-08-1997	CVNV	Vắng	Vắng				
293	NV173	Phan Thị Thanh	Hương		03-08-1998	CVNV	Vắng	Vắng				
294	NV174	Trần Thị Thanh	Hương		24/7/1994	CVNV	Vắng	Vắng				
295	NV177	Nguyễn Minh	Hường		16-10-1998	CVNV	Vắng	Vắng				
296	NV178	Trần Thị Thu	Hường		15-8-1996	CVNV	Vắng	Vắng				
297	NV183	Nguyễn Văn	Khải	30-7-1991		CVNV	Vắng	Vắng				

gpc

TT	SBD	Họ và tên		Ngày tháng năm		Vị trí dự tuyển	Số câu trả lời đúng		Kết quả	Bàn phỏng vấn (vòng 2)	Ca phỏng vấn	Ngày thi vòng 2
				Nam	Nữ		Kiến thức chung	Tiếng Anh				
298	NV185	Phạm Mạnh	Khoa	01-08-1990		CVNV	Vắng	Vắng				
299	NV186	Đỗ Phan Minh	Khuê		29-11-1995	CVNV	Vắng	Vắng				
300	NV187	Cao Thị Mỹ	Lài		12-6-1998	CVNV	Vắng	Vắng				
301	NV194	Nguyễn Thị	Lệ		1-11-1994	CVNV	Vắng	Vắng				
302	NV197	Đặng Thùy	Liên		24-5-1995	CVNV	Vắng	Vắng				
303	NV198	Nguyễn Bích	Liên		08-04-1997	CVNV	Vắng	Vắng				
304	NV199	Bùi Thùy	Linh		8-5-1994	CVNV	Vắng	Vắng				
305	NV200	Chu Chi	Linh		07-09-1999	CVNV	Vắng	Vắng				
306	NV201	Chu Nguyễn Mỹ	Linh		04-09-1995	CVNV	Vắng	Vắng				
307	NV202	Đặng Khánh	Linh		16-2-1998	CVNV	Vắng	Vắng				
308	NV203	Đinh Phương	Linh		26-7-1998	CVNV	Vắng	Vắng				
309	NV204	Đinh Thị Mỹ	Linh		10-04-1997	CVNV	Vắng	Vắng				
310	NV206	Đỗ Thị Khánh	Linh		15-8-1997	CVNV	Vắng	Vắng				
311	NV207	Đỗ Thùy	Linh		23-02-1996	CVNV	Vắng	Vắng				
312	NV210	Lê Tuấn	Linh	16-11-1998		CVNV	Vắng	Vắng				
313	NV212	Nguyễn Diệu	Linh		13-12-1997	CVNV	Vắng	Vắng				
314	NV213	Nguyễn Hoàng Mỹ	Linh		29-5-1994	CVNV	Vắng	Vắng				
315	NV214	Nguyễn Huy	Linh	04-08-1994		CVNV	Vắng	Vắng				
316	NV215	Nguyễn Ngọc Quế	Linh		28-8-1998	CVNV	Vắng	Vắng				
317	NV217	Nguyễn Phương	Linh		6-5-1996	CVNV	Vắng	Vắng				
318	NV221	Nguyễn Thị Khánh	Linh		19-6-1995	CVNV	Vắng	Vắng				
319	NV223	Nguyễn Thị Thùy	Linh		20-12-1986	CVNV	Vắng	Vắng				
320	NV224	Nguyễn Thùy	Linh		27-11-1997	CVNV	Vắng	Vắng				

TT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm		Vị trí dự tuyển	Số câu trả lời đúng		Kết quả	Bàn phỏng vấn (vòng 2)	Ca phỏng vấn	Ngày thi vòng 2
			Nam	Nữ		Kiến thức chung	Tiếng Anh				
321	NV225	Nguyễn Thùy Linh		03-11-1999	CVNV	Vắng	Vắng				
322	NV226	Nguyễn Thùy Linh		30-12-1996	CVNV	Vắng	Vắng				
323	NV230	Phạm Thùy Linh		20-8-1994	CVNV	Vắng	Vắng				
324	NV232	Vi Diệp Linh		8-7-1998	CVNV	Vắng	Vắng				
325	NV236	Vũ Thị Hoài Linh		20-1-1998	CVNV	Vắng	Vắng				
326	NV238	Lý Thị Hồng Loan		21-01-1996	CVNV	Vắng	Vắng				
327	NV240	Nguyễn Thanh Loan		5-4-1987	CVNV	Vắng	Vắng				
328	NV241	Trương Thị Loan		22-10-1994	CVNV	Vắng	Vắng				
329	NV242	Lưu Xuân Long	6-12-1999		CVNV	Vắng	Vắng				
330	NV243	Phùng Quốc Long	1-7-1994		CVNV	Vắng	Vắng				
331	NV245	Lương Tiên Luận	3-11-1999		CVNV	Vắng	Vắng				
332	NV246	Nguyễn Thị Diệu Ly		05-06-1992	CVNV	Vắng	Vắng				
333	NV247	Nguyễn Thị Thảo Ly		2-1-1994	CVNV	Vắng	Vắng				
334	NV248	Trần Phương Ly		23-09-1994	CVNV	Vắng	Vắng				
335	NV249	Bùi Ngọc Mai		31-01-1998	CVNV	Vắng	Vắng				
336	NV254	Nguyễn Thanh Mai		11-9-1991	CVNV	Vắng	Vắng				
337	NV255	Trần Thị Mai		10-02-1993	CVNV	Vắng	Vắng				
338	NV257	Nguyễn Văn Mạnh	17-02-1997		CVNV	Vắng	Vắng				
339	NV259	Đỗ Vũ Thảo Mi		12-10-1992	CVNV	Vắng	Vắng				
340	NV261	Nguyễn Công Minh	06-10-1992		CVNV	Vắng	Vắng				
341	NV264	Nguyễn Thị Thanh Minh		28-1-1998	CVNV	Vắng	Vắng				
342	NV265	Phạm Thảo Minh		19-01-1997	CVNV	Vắng	Vắng				
343	NV266	Bùi Huyền My		26-12-1993	CVNV	Vắng	Vắng				

gmc

TT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm		Vị trí dự tuyển	Số câu trả lời đúng		Kết quả	Bàn phỏng vấn (vòng 2)	Ca phỏng vấn	Ngày thi vòng 2
			Nam	Nữ		Kiến thức chung	Tiếng Anh				
344	NV268	Ngô Hà My		05-12-1995	CVNV	Vắng	Vắng				
345	NV270	Nguyễn Thị Huệ Mỹ		02-09-1991	CVNV	Vắng	Vắng				
346	NV275	Lê Kim Ngân		24-6-1994	CVNV	Vắng	Vắng				
347	NV276	Lê Thanh Ngân		6-9-1995	CVNV	Vắng	Vắng				
348	NV277	Nguyễn Thị Phương Ngân		7-2-1990	CVNV	Vắng	Vắng				
349	NV278	Võ Thị Ngân		12-10-1994	CVNV	Vắng	Vắng				
350	NV279	Vũ Thị Ngân		29-03-1986	CVNV	Vắng	Vắng				
351	NV280	Nguyễn Thị Thúy Ngân		06-03-1979	CVNV	Vắng	Vắng				
352	NV281	Đào Hữu Nghĩa	16-11-1993		CVNV	Vắng	Vắng				
353	NV282	Phạm Hữu Nghĩa	21-09-1996		CVNV	Vắng	Vắng				
354	NV285	Đỗ Thị Thúy Ngọc		28-8-1993	CVNV	Vắng	Vắng				
355	NV287	Lê Thị Bích Ngọc		17-7-1989	CVNV	Vắng	Vắng				
356	NV288	Lưu Thị Ngọc		01-8-1997	CVNV	Vắng	Vắng				
357	NV289	Nguyễn Bích Ngọc		25-12-1998	CVNV	Vắng	Vắng				
358	NV290	Nguyễn Thị Bích Ngọc		20-11-1992	CVNV	Vắng	Vắng				
359	NV291	Nhâm Thị Ngọc		27-2-1999	CVNV	Vắng	Vắng				
360	NV292	Tô Thị Hồng Ngọc		27-9-1994	CVNV	Vắng	Vắng				
361	NV293	Trịnh Hồng Ngọc		19-01-1998	CVNV	Vắng	Vắng				
362	NV294	Nguyễn Ánh Nguyệt		20-06-1997	CVNV	Vắng	Vắng				
363	NV295	Đinh Chí Nhân	16-09-1996		CVNV	Vắng	Vắng				
364	NV296	Nguyễn Xuân Nhật	16-6-1998		CVNV	Vắng	Vắng				
365	NV301	Lê Hồng Nhung		13-06-1997	CVNV	Vắng	Vắng				
366	NV303	Nguyễn Hồng Nhung		02-12-1992	CVNV	Vắng	Vắng				

TT	SBD	Họ và tên		Ngày tháng năm		Vị trí dự tuyển	Số câu trả lời đúng		Kết quả	Bàn phỏng vấn (vòng 2)	Ca phỏng vấn	Ngày thi vòng 2
				Nam	Nữ		Kiến thức chung	Tiếng Anh				
367	NV304	Nguyễn Thị	Nhung		09-04-1996	CVNV	Vắng	Vắng				
368	NV306	Đoàn Thị	Oanh		20-05-1995	CVNV	Vắng	Vắng				
369	NV308	Phạm Hồng	Pha	18-02-1989		CVNV	Vắng	Vắng				
370	NV309	Cao Huy	Phong	20-12-1997		CVNV	Vắng	Vắng				
371	NV310	Trần Nhật	Phong	7-5-1996		CVNV	Vắng	Vắng				
372	NV311	Đào Quý	Phương	25-06-1995		CVNV	Vắng	Vắng				
373	NV312	Đỗ Thị Thu	Phương		13-03-1998	CVNV	Vắng	Vắng				
374	NV313	Nguyễn Thị	Phương		09-03-1998	CVNV	Vắng	Vắng				
375	NV314	Nguyễn Thị Hà	Phương		24-4-1991	CVNV	Vắng	Vắng				
376	NV315	Nguyễn Thị Thu	Phương		26-07-1994	CVNV	Vắng	Vắng				
377	NV316	Phạm Ngọc Quỳnh	Phương		04-04-1994	CVNV	Vắng	Vắng				
378	NV317	Phạm Thị Thu	Phương		24-02-1991	CVNV	Vắng	Vắng				
379	NV319	Vang Thị Minh	Phương		09-08-1994	CVNV	Vắng	Vắng				
380	NV320	Vũ Hải Linh	Phương		8-3-1994	CVNV	Vắng	Vắng				
381	NV321	Vũ Thị Mai	Phương		18-9-1999	CVNV	Vắng	Vắng				
382	NV322	Lê Minh	Phượng		13-3-1992	CVNV	Vắng	Vắng				
383	NV323	Trần Minh	Quang	22-10-1998		CVNV	Vắng	Vắng				
384	NV324	Đinh Văn	Quân	7-10-1999		CVNV	Vắng	Vắng				
385	NV326	Trần Hồng	Quân	12-12-1994		CVNV	Vắng	Vắng				
386	NV327	Vũ Minh	Quân	12-05-1998		CVNV	Vắng	Vắng				
387	NV328	Hoàng	Quý	4-11-1991		CVNV	Vắng	Vắng				
388	NV331	Đoàn Thúy	Quỳnh		4-11-1997	CVNV	Vắng	Vắng				
389	NV334	Ngô Thúy	Quỳnh		3-9-1997	CVNV	Vắng	Vắng				

TT	SBD	Họ và tên		Ngày tháng năm		Vị trí dự tuyển	Số câu trả lời đúng		Kết quả	Bàn phỏng vấn (vòng 2)	Ca phỏng vấn	Ngày thi vòng 2
				Nam	Nữ		Kiến thức chung	Tiếng Anh				
390	NV335	Nguyễn Phương	Quỳnh		13-01-1996	CVNV	Vắng	Vắng				
391	NV336	Phạm Thị Ngọc	Quỳnh		17-03-1989	CVNV	Vắng	Vắng				
392	NV340	Lê Xuân	Sơn	26-3-1997		CVNV	Vắng	Vắng				
393	NV341	Ngô Tuấn	Sơn	12-9-1996		CVNV	Vắng	Vắng				
394	NV345	Trần văn	Tiến	1-7-1994		CVNV	Vắng	Vắng				
395	NV346	Nguyễn Văn	Tin	10-12-1998		CVNV	Vắng	Vắng				
396	NV347	Lương Cảnh	Toàn	08-01-1995		CVNV	Vắng	Vắng				
397	NV349	Nguyễn Khánh	Toàn	13-12-1998		CVNV	Vắng	Vắng				
398	NV351	Hoàng Thị Cẩm	Tú		13-10-1996	CVNV	Vắng	Vắng				
399	NV352	Lê Thị Cẩm	Tú		2-2-1994	CVNV	Vắng	Vắng				
400	NV353	Nguyễn Duy	Tú	14-10-1999		CVNV	Vắng	Vắng				
401	NV354	Nguyễn Minh	Tú	07-01-1996		CVNV	Vắng	Vắng				
402	NV356	Trần Mạnh	Tú	2-9-1991		CVNV	Vắng	Vắng				
403	NV357	Nguyễn Doãn	Tuấn	20-10-1997		CVNV	Vắng	Vắng				
404	NV358	Trần Anh	Tuấn	28-01-1994		CVNV	Vắng	Vắng				
405	NV361	Hứa Mạnh	Tùng	18-07-1991		CVNV	Vắng	Vắng				
406	NV364	Nguyễn Văn	Tùng	15-12-1992		CVNV	Vắng	Vắng				
407	NV365	Phạm Thanh	Tùng	28-06-1994		CVNV	Vắng	Vắng				
408	NV366	Hoàng Thị	Tuyết		02-10-1993	CVNV	Vắng	Vắng				
409	NV367	Văn Thị Bạch	Tuyết		02-01-1997	CVNV	Vắng	Vắng				
410	NV369	Đỗ Thị	Thanh		28-09-1995	CVNV	Vắng	Vắng				
411	NV375	Lê Thị	Thảo		23-11-1995	CVNV	Vắng	Vắng				
412	NV376	Lê Thị Phương	Thảo		28-5-1996	CVNV	Vắng	Vắng				

TT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm		Vị trí dự tuyển	Số câu trả lời đúng		Kết quả	Bàn phỏng vấn (vòng 2)	Ca phỏng vấn	Ngày thi vòng 2
			Nam	Nữ		Kiến thức chung	Tiếng Anh				
413	NV379	Nguyễn Thị Phương Thảo		22-3-1999	CVNV	Vắng	Vắng				
414	NV380	Phạm Thị Đan Thảo		07-02-1993	CVNV	Vắng	Vắng				
415	NV382	Trần Phương Thảo		08-03-1991	CVNV	Vắng	Vắng				
416	NV383	Trần Thị Phương Thảo		20-12-1999	CVNV	Vắng	Vắng				
417	NV385	Nguyễn Ngô Quang Thắng	29-03-1996		CVNV	Vắng	Vắng				
418	NV386	Nguyễn Việt Thắng	3-9-1994		CVNV	Vắng	Vắng				
419	NV391	Nguyễn Thị Thơm		18-01-1990	CVNV	Vắng	Vắng				
420	NV392	Đoàn Thị Thu		21-6-1990	CVNV	Vắng	Vắng				
421	NV395	Đặng Thị Thùy		13-10-1996	CVNV	Vắng	Vắng				
422	NV396	Ngô Hương Thùy		11-2-1999	CVNV	Vắng	Vắng				
423	NV398	Hoàng Linh Thùy		24-07-1992	CVNV	Vắng	Vắng				
424	NV400	Lưu Thị Thu Thủy		23-2-1999	CVNV	Vắng	Vắng				
425	NV401	Ngô Hương Thùy		30-08-1999	CVNV	Vắng	Vắng				
426	NV402	Nguyễn Phương Thùy		27-9-1991	CVNV	Vắng	Vắng				
427	NV403	Nguyễn Thị Thanh Thùy		15-8-1996	CVNV	Vắng	Vắng				
428	NV406	Vũ Thanh Thùy		05-03-1997	CVNV	Vắng	Vắng				
429	NV410	Trần Thị Thúy		30-11-1991	CVNV	Vắng	Vắng				
430	NV412	Nguyễn Anh Thư		02-04-1998	CVNV	Vắng	Vắng				
431	NV413	Vũ Thị Thư		21-2-1991	CVNV	Vắng	Vắng				
432	NV414	Lê Thị Hoài Thương		16-02-1993	CVNV	Vắng	Vắng				
433	NV415	Dương Thu Trà		27-07-1998	CVNV	Vắng	Vắng				
434	NV416	Nguyễn Liên Trà		31-08-1998	CVNV	Vắng	Vắng				
435	NV418	Doãn Thị Đoan Trang		16-7-1987	CVNV	Vắng	Vắng				

902

TT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm		Vị trí dự tuyển	Số câu trả lời đúng		Kết quả	Bàn phỏng vấn (vòng 2)	Ca phỏng vấn	Ngày thi vòng 2
			Nam	Nữ		Kiến thức chung	Tiếng Anh				
436	NV419	Đặng Thu Trang		27-12-1991	CVNV	Vắng	Vắng				
437	NV421	Hà Ngọc Trang		12-05-1992	CVNV	Vắng	Vắng				
438	NV422	Khuất Thị Thu Trang		3-11-1995	CVNV	Vắng	Vắng				
439	NV424	Nguyễn Hoài Thu Trang		27-08-1993	CVNV	Vắng	Vắng				
440	NV429	Nguyễn Thu Trang		23-12-1998	CVNV	Vắng	Vắng				
441	NV430	Nguyễn Thu Trang		6-11-1995	CVNV	Vắng	Vắng				
442	NV432	Phạm Thị Huyền Trang		05-09-1998	CVNV	Vắng	Vắng				
443	NV433	Tăng Thị Quỳnh Trang		26-01-1989	CVNV	Vắng	Vắng				
444	NV434	Tô Thu Trang		11-11-1987	CVNV	Vắng	Vắng				
445	NV435	Trần Thị Thu Trang		30-04-1996	CVNV	Vắng	Vắng				
446	NV436	Nguyễn Công Tráng	28-07-1995		CVNV	Vắng	Vắng				
447	NV438	Nguyễn Thị Kiều Trinh		09-03-1994	CVNV	Vắng	Vắng				
448	NV441	Phí Bảo Trung	20-08-1993		CVNV	Vắng	Vắng				
449	NV442	Lê Xuân Trường	21-6-1987		CVNV	Vắng	Vắng				
450	NV444	Dương Thị Uyên		26-06-1996	CVNV	Vắng	Vắng				
451	NV446	Ngân Thị Phương Vân		21-02-1996	CVNV	Vắng	Vắng				
452	NV448	Nguyễn Thị Hồng Vân		8-10-1993	CVNV	Vắng	Vắng				
453	NV449	Hồ Xuân Việt	11-07-1994		CVNV	Vắng	Vắng				
454	NV451	Trần Tuấn Vinh	20-11-1996		CVNV	Vắng	Vắng				
455	NV452	Lê Hùng Vương	07-01-1997		CVNV	Vắng	Vắng				
456	NV453	Nguyễn Thị Xanh		09-09-1997	CVNV	Vắng	Vắng				
457	NV455	Nguyễn Thị Hoàng Yến		08-5-1991	CVNV	Vắng	Vắng				
458	NV456	Nguyễn Ngọc Yến		11-05-1991	CVNV	Vắng	Vắng				